

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----000-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN

Số: 21 /HĐMB /TT

- Căn cứ theo nhu cầu và năng lực của các bên,

Hôm nay, ngày 21 tháng 4 năm 2026, đại diện hai bên chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN HÀNG (“BÊN A”):

Tên doanh nghiệp : **Công Ty TNHH Dầu Ăn Nguyên Phát**
Địa chỉ : Số 19 ngõ 583 Phố Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội
Số ĐKKD : 0101389216
Điện thoại : 0243.5562026 Fax : 0243.5562060
Đại diện : **Ông Trần Văn Minh** Chức vụ: **Giám Đốc**
Số tài khoản : 0551101018888 tại NH TMCP Quân Đội, CN Hai Bà Trưng, HN

BÊN MUA HÀNG (“BÊN B”):

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TRỌNG TÍN**
Người đại diện : **Bà Nguyễn Thị Thanh Nhài** Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ : Thôn 3 Xã Nam Phù, TP Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : 0982157254
Số ĐKKD : 0106535710
Tài Khoản Số : 118000122508
Tại NH : Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam PGD Hoàng Mai, Hà Nội

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

- 1.1 Bên B đồng ý mua của Bên A mặt hàng “Dầu ăn” và các mặt hàng khác được Bên A khai thác và kinh doanh được gọi tắt là “Hàng hóa” và Bên A đồng ý bán Hàng hóa trên cho Bên B theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.
- 1.2 Hàng hóa của Bên A khi giao cho Bên B theo đơn đặt hàng phải đảm bảo chất lượng hàng hóa, đúng nhãn hiệu, đúng quy cách, bao bì sản phẩm phải rõ ràng có ghi đầy đủ thông tin ngày sản xuất, hạn sử dụng, hàng hóa không bị móp méo. Hai bên thống nhất Bên B có quyền đổi lại các mặt hàng hoặc từ chối nhận hàng đối với những mặt hàng không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu; có quyền đổi trả các sản phẩm cận date, hạn sử dụng còn dưới 80% ngay sau khi bên B nhận hàng. Trong trường hợp này Bên A phải chịu toàn bộ chi phí vận chuyển cho lô hàng trả về.



- 1.3 Hàng hóa Bên A đã được kiểm nghiệm về chất lượng, có đầy đủ hồ sơ pháp lý và xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP, giấy đủ điều kiện VSATTP theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 2.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 20 tháng 4 năm 2027
- 2.2. Hợp đồng sẽ được tự động gia hạn liên tiếp từng giai đoạn 12 tháng nếu hai bên vẫn giữ nguyên các điều khoản thỏa thuận theo hợp đồng này.
- 2.3. Khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày cho bên kia bằng văn bản cụ thể.
- 2.4. Một bên có thể chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với hiệu lực tức thời bằng việc gửi một thông báo bằng văn bản nếu bên kia vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần một trong các điều khoản của hợp đồng này.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ

- 3.1. Giá của hàng hóa và khuyến mại mà Bên A bán cho Bên B sẽ được nhân viên kinh doanh cập nhật theo từng thời điểm.
- 3.2. Bên A cam kết bán Hàng hóa cho Bên B với mức giá cạnh tranh nhất mà Bên A đang áp dụng tại thị trường Hà Nội. Nếu có sự thay đổi về giá hàng hóa (tăng giảm theo từng thời điểm) sẽ có nhân viên kinh doanh bên A báo trực tiếp cho người phụ trách bên B hoặc sẽ thông báo bằng văn bản hoặc qua điện thoại. Bảng báo giá mới sẽ được áp dụng

ĐIỀU 4: ĐẶT HÀNG

- 4.1. Bên B sẽ gửi cho Bên A đơn đặt hàng bằng cách chuyển trực tiếp hoặc bằng Fax hoặc bằng điện thoại hoặc bằng email và phải được Bên A xác nhận đơn đặt hàng.
- 4.2. Bên B có trách nhiệm gửi đơn hàng cho Bên A muộn nhất vào lúc 16h00 chiều cho đơn hàng giao vào ngày hôm sau. Bên A giao hàng cho Bên B theo đúng thời gian yêu cầu của Bên B.
- 4.3. Nếu Bên A không chấp thuận đơn đặt hàng nào vì bất kỳ lý do gì, thì Bên A phải thông báo cho Bên B ngay sau khi nhận được đơn đặt hàng. Nếu không có thông báo, đơn đặt hàng được coi là đã được Bên A chấp nhận và mọi quy định trong hợp đồng này sẽ được áp dụng cho đơn đặt hàng đó.
- 4.4. Quy cách hàng hóa sẽ thể hiện chi tiết trong từng đơn đặt hàng của Bên B.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- 5.1. Giao hàng tại địa điểm trong địa bàn Hà Nội theo chỉ định của Bên B, nếu giao hàng tại địa điểm thứ hai hoặc hơn thì phải được sự đồng ý của Bên A (địa điểm được ghi rõ trên đơn đặt hàng), thời gian giao hàng theo sự thống nhất của hai bên trong quá trình đặt hàng. Nếu Bên A không giao được hàng thì phải thông báo cho Bên B ngay sau khi nhận được đơn đặt hàng. Nếu không có thông báo trước

- thì Bên A sẽ bồi thường cho Bên B toàn bộ những thiệt hại phát sinh từ việc không giao được hàng và đền bù giá trị đơn hàng không thực hiện được.
- 5.2. Bên A cam kết giao hàng miễn phí đến Kho của Bên B. Bên A sẽ chịu mọi rủi ro về hàng hóa trong quá trình vận chuyển cho đến khi giao hàng cho Bên B.
 - 5.3. Khi giao hàng Bên A phải xuất trình phiếu xuất kho của từng đơn hàng và có xác nhận số lượng thực nhập của Bên B.
 - 5.4. Bên B có quyền từ chối nhận hàng hóa khi Bên A giao trong các trường hợp sau:
 - 5.4.1. Hàng hóa mà Bên B không đặt hàng
 - 5.4.2. Hàng hóa không đảm bảo chất lượng vệ sinh ATTP, bị hư hỏng, móp méo, có mùi lạ.
 - 5.4.3. Hàng hóa không phù hợp với quy cách và chủng loại quy định theo đơn đặt hàng.
 - 5.5. Trường hợp sau khi Bên B nhận hàng hóa rồi mới xác định là không phù hợp với quy cách và chủng loại Bên A đã cam kết, thì Bên B có quyền thông báo cho Bên A biết và trả lại số hàng đó ngay sau khi bên A giao hàng tới. **Chi phí toàn bộ lô hàng trả về sẽ do bên A chịu.**

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC - THỦ TỤC THANH TOÁN

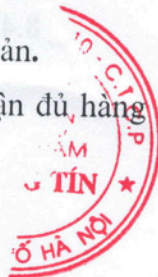
- 6.1. **Phương thức thanh toán:** Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- 6.2. **Thời hạn thanh toán:** Bên B thanh toán cho bên A ngay sau khi nhận đủ hàng của từng chuyến.

ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

TRÁCH NHIỆM BÊN A:

- 7.1. Cam kết giao hàng cho Bên B đúng thời gian và đúng theo đơn đặt hàng của Bên B (chủng loại, quy cách, số lượng, chất lượng, hạn sử dụng và các thông tin liên quan...).
- 7.2. Cam kết giao cho Bên B hàng hóa đảm bảo chất lượng, đáp ứng đầy đủ các quy định của Pháp luật hiện hành về hàng hóa đó.
- 7.3. Bên A phải cung cấp đầy đủ giấy tờ cho Bên B và chịu trách nhiệm đối với các hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như: giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, quy cách, tiêu chuẩn chất lượng, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP... theo đúng quy định của Nhà nước. Phải duy trì hiệu lực của các giấy tờ này trong suốt thời hạn hiệu lực của hợp đồng này.
- 7.4. Sau mỗi đợt giao hàng, Bên A sẽ chuyển cho nhân viên nhận hàng của bên B hóa đơn bán hàng để bên B có cơ sở kiểm tra và đối chiếu số liệu.
- 7.5. Bên A không được quyền chuyển nhượng cho bên thứ 3 hay một bên bất kỳ nào về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng này.

TRÁCH NHIỆM BÊN B:



- 7.6. Nhận hàng theo đúng đơn đặt hàng Bên B đã đặt. Kiểm tra về chủng loại, quy cách, số lượng, chất lượng, hạn sử dụng, ký và ghi rõ họ tên người nhận.
- 7.7. Thanh toán đầy đủ theo phụ lục hay điều khoản thanh toán cho Bên A.
- 7.8. Có trách nhiệm tổ chức và tạo mọi điều kiện để hàng hóa của Bên A được bày bán trong hệ thống của Bên B. Đảm bảo hàng hóa được trưng bày và bảo quản đúng quy định không làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa của Bên A.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Hai bên sẽ cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản của Hợp đồng thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho phía bên kia. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh một số việc ngoài hợp đồng, hai bên sẽ gặp nhau và cùng giải quyết; nếu không giải quyết được, một trong hai bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
- 8.2. Việc bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung của hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và được ký kết bởi 2 bên.
- 8.3. Mỗi bên phải giữ bí mật nội dung của Hợp đồng này và không được tiết lộ thông tin trong bất cứ hoàn cảnh nào.
- 8.4. Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Giám đốc

Trần Văn Minh

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Nhài

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0101389216

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 07 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 22 tháng 03 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DẦU ĂN NGUYÊN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN PHAT COOKING OIL
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NGUYEN PHAT OIL CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 19 ngõ 583, phố Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 024.38621342

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

40.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VĂN MINH	Việt Nam	Số 24 ngách 583/29, phố Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	24.000.000.000	60,000	011583673	
2	TRẦN MINH THĂNG	Việt Nam	Số 24 ngách 583/29, phố Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	16.000.000.000	40,000	013096274	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/06/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 011583673

Ngày cấp: 28/09/2013

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 24 ngách 583/29, phố Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

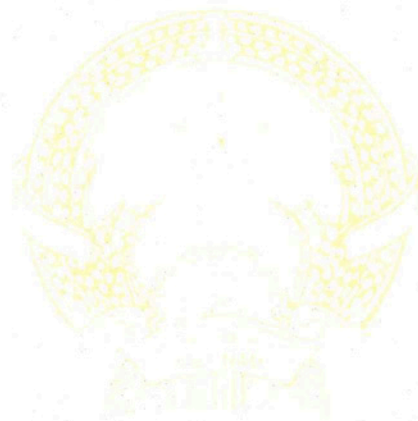
Địa chỉ liên lạc: Số 24 ngách 583/29, phố Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỜNG PHÒNG 



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Trinh Huy Tâm



x

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

BẢN CAM KẾT

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn

Kính gửi:

Tôi là: **TRẦN VĂN MINH**

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân: 040058000531.

Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: CỤC QLHC VỀ TTXH.

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh: CÔNG TY TNHH DẦU ĂN NGUYÊN PHÁT

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0101389216,

Địa điểm sản xuất, kinh doanh: số 683 Nguyễn Khoái và Số 23 Tạ Thanh Oai,
Thanh Trì Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số 19 ngõ 583 Phố kim Ngưu, P Vĩnh Tuy, Q Hai Bà Trưng,
HN

Điện thoại: 0982 279 156.

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: Dầu, bơ thực vật..

Nơi tiêu thụ sản phẩm: TP HÀ NỘI.

Cơ sở xin cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong: Sản phẩm Dầu ăn và bơ thực vật các loại do Công ty TNHH Dầu ăn Nguyên Phát cung cấp được thể hiện trên hoá đơn giao hàng.

Nếu có vi phạm mà được cơ quan nhà nước xác định do sản phẩm của chúng tôi cung cấp, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản.

Chủ cơ sở cá nhân

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Giám đốc

TRẦN VĂN MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/CALOFIC/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (0203) 3845970

Fax: (0203) 3845971

Hoặc chi nhánh Công Ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân tại Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lô C21, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3781 8806

Fax: (028) 3781 8802

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY

2. Thành phần: 100 % dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 02 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy Cách đóng gói: thể tích thực ở 20 °C: 400 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít

- Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất bởi: Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

-Hoặc sản xuất bởi: Chi nhánh Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân tại Hiệp Phước, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lô C21, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định về "Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



Handwritten signature

TP. Hạ Long, Ngày 20 tháng 03 năm 2020
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



ĐỖ THỊ KIM OANH
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO

013
ÔN
T
AUT
C
LON

(Đính kèm hồ sơ tự công bố sản phẩm số 02/CALOFIC/2020)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NINH	DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY	Số CB: 02/CALOFIC/2020
CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN		Có hiệu lực từ ngày ký phê duyet

Các chỉ tiêu tự công bố bao gồm:

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: dạng lỏng
- Màu sắc: màu vàng sáng
- Mùi: không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét;
- Vị: không vị

1.2. Các chỉ tiêu lý hóa:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố chất lượng
1.	Trị số a-xít	mg KOH/g dầu	≤ 0,6
2.	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2
3.	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05
4.	Trị số I-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	124-139
5.	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5
6.	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
7.	Omega 3	mg/100 g	≥ 4000
8.	Omega 6	g/100 g	≥ 50
9.	Omega 9	g/100 g	≥ 20
10.	Chất béo bão hòa	g/100 g	≤ 20
11.	Chất béo không bão hòa	g/100g	≥ 80
12.	Vitamin E	mg/100 g	≥ 3
13.	Vitamin A (bổ sung)	IU/100 g	≥ 9200
14.	Cholesterol	g/100 g	0
15.	Năng lượng	Kcal/100g	900

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	0
2.	Coliforms	MPN/ml	10
3.	Salmonella	CFU/25ml	Không phát hiện
4.	S. aureus	CFU/ml	0
5.	E. coli	MPN/ml	3
6.	TSVSVHK	CFU/ml	1000

Handwritten signature

C.T.
H
C.V.
LÂN
T.QU

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng As	mg/kg	0,1
2.	Hàm lượng Pb	mg/kg	0,1

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	5
2	Hàm lượng Aflatoxin B ₁ B ₂ G ₁ G ₂	µg/kg	15



Handwritten signature

114x115

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Loại phân 01 muỗng (14 g)	Hàm lượng	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần, trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Cholesterol	0 g	0 g
Chất béo bão hòa (tốt) (đá)	2,3 g	20 g
Chất béo không bão hòa (tốt) (lỏng)	11,2 g	80 g
Omega-3 (tốt) (tươi)	580 mg	4.000 mg
Omega-6 (tốt) (tươi)	7 g	50 g
Omega-9 (tốt) (tươi)	2,8 g	20 g
Vitamin E (tốt) (tươi)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tốt) (tươi)	1.288 IU	9.200 IU

Thành Phần: 100% dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.
Trước phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
 (1) số-lô (Wijis): 124 - 139.
Hương dẫn sử dụng: Dùng cho chiên, xào, trộn salad, làm nước sốt và nấu các món chay...
Báo quan: Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo: Đóng nắp kín sau khi sử dụng.
Ngày SX & hạn sử dụng: Ghi trên chai.

Sản xuất tại Việt Nam bởi
CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CẢI LẠN
 KCN Lái Làn, Phường Bãi Cháy,
 TP. Hà Long, Tỉnh Quảng Ninh
 ĐT: (0203) 3846933
 Fax: (0203) 3845971
 Mã nhà máy sản xuất:
 • CN: TP. Hà Long, Quảng Ninh
 • HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
 Tư vấn khách hàng: 0333 816 660
 Email: corporate@wilmar.com.vn
 Website: www.calofic.com.vn

SỐ QB: 02/CALOFIC/2020



Được sự cho phép của
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

Khi cầm trên tay sản phẩm này, có nghĩa bạn rất quan tâm đến sức khỏe tim mạch và đang tìm kiếm một sản phẩm tốt cho trái tim.

Cũng như bạn, đội ngũ chuyên gia Simply đã dành trọn tâm huyết để nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm **Đậu Nành nguyên chất 100%**, giàu các chất béo không bão hòa, Omega 3,6,9 và các vitamin, giúp bảo vệ sức khỏe tim mạch.

Dầu Đậu Nành Simply được sản xuất bằng công nghệ tinh chế hiện đại từ Châu Âu, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm: FSSC 22000, HACCP và AIB.

Sản phẩm không chứa Cholesterol và a-xit béo cấu hình Trans(*), không chất bảo quản và chất tạo màu.

Simply từ hào là nhãn hiệu đầu tiên duy nhất được Hội Tim Mạch Học Việt Nam khuyến dùng.

(* Theo khuyến nghị của FDA.

THỂ TÍCH THỰC Ở 20 °C: 400 ml



Simply

ĐẬU ĐẬU NÀNH



100% Nguyên Chất
Giàu Omega 3,6,9

CHO MỘT TRÁI TIM KHỎE



Alhuda

4.776 mm

1.2 mm

1.2 mm



THÔNG TIN DINH DƯỠNG

	Hàm lượng - Hàm lượng trong mỗi khẩu phần trong 100 g	
	126 Kcal	900 Kcal
Năng lượng	0 g	0 g
Cholesterol	28,0	20 g
Chất béo bão hòa (tốt đa)	11,2,0	80 g
Chất béo không bão hòa (tốt thiểu)	560 mg	4.000 mg
Omega-3 (tốt thiểu)	7 g	50 g
Omega-6 (tốt thiểu)	2,6 g	20 g
Omega-9 (tốt thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin E (tốt thiểu)	1,288 IU	9.200 IU

Thành phần:
 100% dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
 Trị số I-đi (Wijs): 124 - 139.
 Hướng dẫn sử dụng: Dùng cho chiên, xào, trộn salad, làm nước sốt và nấu các món chay...
 Bảo quản: Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
 Thông tin cảnh báo: Đóng nắp kín sau khi sử dụng.
 Ngày SX & Hạn SD: Ghi trên chai.

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CẢI LẠM
 KCN Cai Lãm, Phường Bãi Cháy,
 TP. Hồ Long, Tỉnh Quảng Ninh
 ĐT : (0203) 3846993
 Fax : (0203) 3845971
 Mã nhà máy sản xuất:
 • CN : TP. Hồ Long, Quảng Ninh
 • HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
 Tu vãn khách hàng: 0933 816 660
 Email: corporate@wilmar.com.vn
 Website: www.calofic.com.vn

Số CB: 02/CALOFIC/2020



Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED



DẦU ĐẬU NÀNH



Khi cầm trên tay sản phẩm này, có nghĩa bạn rất quan tâm đến sức khỏe tim mạch và đang tìm kiếm một sản phẩm tốt cho trái tim.

Cũng như bạn, đội ngũ chuyên gia Simply đã dành trọn tâm huyết để nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm **Dầu Đậu Nành Simply** nguyên chất 100%, giàu các chất béo không bão hòa, Omega 3,6,9 và các vitamin, giúp bảo vệ sức khỏe tim mạch.

Dầu Đậu Nành Simply được sản xuất bằng công nghệ tinh chế hiện đại từ Châu Âu, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm: FSSC 22000, HACCP và AIB.

Sản phẩm không chứa Cholesterol và a-xit béo cấu hình Trans(*), không chất bảo quản và chất tạo màu.

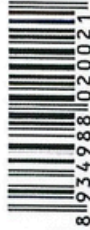
Simply tự hào là nhãn hiệu đầu ăn duy nhất được **Hội Tim Mạch Học Việt Nam** khuyến dùng.

(*): Theo khuyến nghị của FDA.



THỂ TÍCH THỰC 0 20 °C:

1 lít



PLEASE RECYCLE

8.9349881020021

CHO MỘT TRÁI TIM KHỎE

Giàu Omega 3,6,9

Nguyên Chất

100%



HỘI TIM MẠCH HỌC VIỆT NAM
 KHUYẾN DÙNG
 CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CẢI LẠM
 5100101362

Author



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code BN11912.02144759 MM11912.021447591	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 26/12/2019
---	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**
Địa chỉ/ Address : **KHU CÔNG NGHIỆP CÁI LÂN, PHƯỜNG BÃI CHÁY, THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**
Tên mẫu/ Name of sample : **DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **02/12/2019**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **10/12/2019**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	As	mg/Kg	Không phát hiện, MDL= 0,02	AOAC 986.15
2	Na	g/100g	0	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35) (*)
3	Pb	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,05	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)
4	Acid béo tự do (FFA)	%	0,025 (theo acid oleic)	TCVN 6127:2010 (ISO 660:2009) (*)
5	Béo	%	100	CASE.NS.0008 (Ref.FAO 14/7 p.212,1986) (*)
6	Carbohydrate	g/100g	0	Food and Drug Administration (*)
7	Đạm	g/100g	Không phát hiện MDL = 0,02	CASE.NS.0009 (FAO 14/7 p.221-223, 1986) (*)
8	Độ ẩm và chất bay hơi	%	0,053	TCVN 6120:2018 (ISO 662:2016)
9	Đường	%	Không phát hiện	CASE.NS.0066
10	Năng lượng	kcal/100g	900	Food and Drug Administration (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

18001105

(84.28) 3911 7216

casehcm@case.vn

CN CÁN THO

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.292) 3918216 - 217 - 218

(84.292) 3918219

support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.258) 246 5255

(84.258) 246 5355

vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
11	Tab chất không tan	%	Không phát hiện	CASE.NS.0102 (TCVN 6125:2010)
12	Trị số acid	mg KOH/g	0,051	TCVN 6127:2010 (ISO 660:2009) (*)
13	Trị số iod	g Iod/100g	132	TCVN 6122:2015 (ISO 3961:2009)
14	Trị số peroxide	meq/kg	0,931	TCVN 9532:2012 (ISO 27107:2008) (*)
15	Aflatoxin	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 – HPLC (*)
16	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0018 – HPLC (*)
17	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 _GC/MS/MS (*)
18	Chlorpyrifos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 _GC/MS/MS (*)
19	Cholesterol	g/100g	Không phát hiện MDL = 0,0001	CASE.SK.0012 - GC (*)
20	Clethodim	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114_LC/MS/MS (*)
21	Cyproconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114_LC/MS/MS (*)
22	Flusilazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114_LC/MS/MS
23	Heptachlor	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 _GC/MS/MS (*)
24	Methomyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114_LC/MS/MS (*)
25	Omega 3	g/100g	5,37	CASE.SK.0107 - GC (*)
26	Omega 6	g/100g	52,7	CASE.SK.0107 - GC (*)
27	Omega 9	g/100g	22,7	CASE.SK.0107 - GC (*)
28	Saturated fat	g/100g	16,26	CASE.SK.0107 - GC (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH CN CÁN THO VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM (01) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ (01) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 18001105 (04.292) 3918216 - 217 - 218 (04.258) 246 5255
 (84.28) 3911 7216 (04.292) 3918219 (04.258) 246 5355
 casehcm@case.vn support@case.com.vn, casecantho@case.vn vanphongmienTrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
11	Không tan	%	Không phát hiện	CASE.NS.0102 (TCVN 6125:2010)
12	Acid	mg KOH/g	0,051	TCVN 6127:2010 (ISO 660:2009) (*)
13	Trị số iod	g Iod/100g	132	TCVN 6122:2015 (ISO 3961:2009)
14	Trị số peroxide	meq/kg	0,931	TCVN 9532:2012 (ISO 27107:2008) (*)
15	Aflatoxin	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 – HPLC (*)
16	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0018 – HPLC (*)
17	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 _GC/MS/MS (*)
18	Chlorpyrifos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 _GC/MS/MS (*)
19	Cholesterol	g/100g	Không phát hiện MDL = 0,0001	CASE.SK.0012 - GC (*)
20	Clethodim	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114_LC/MS/MS (*)
21	Cyproconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114_LC/MS/MS (*)
22	Flusilazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114_LC/MS/MS
23	Heptachlor	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 _GC/MS/MS (*)
24	Methomyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114_LC/MS/MS (*)
25	Omega 3	g/100g	5,37	CASE.SK.0107 - GC (*)
26	Omega 6	g/100g	52,7	CASE.SK.0107 - GC (*)
27	Omega 9	g/100g	22,7	CASE.SK.0107 - GC (*)
28	Saturated fat	g/100g	16,26	CASE.SK.0107 - GC (*)



! KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ / THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

! Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / The sample information is written as customer's request

! Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE / No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
7102 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
J 18001105

☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(91) F267 - F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(☎) (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219
✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(91) STH2718, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(☎) (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmienTrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
29	Trans fat	g/14g	0,0056	CASE.SK.0107 - GC (*)
30	Vitamin A	IU/100g	10991	CASE.SK.0108 - HPLC (*)
31	Vitamin E	mg/100g	10,5	CASE.SK.0053_HPLC (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Ngày: 19-03-2020

Số: 1112 Quyển số: 01/20 SCT/BS

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



T.S. Nguyễn Quốc Hùng



Trương Huỳnh Anh Vũ

Nguyễn Văn Tuấn



/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
do fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmienTrung@case.vn

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/CALOFIC/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH CALOFIC**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (0203) 3845970

Fax: (0203) 3845971

Hoặc Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3781 8806

Fax: (028) 3781 8802

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Công ty TNHH CALOFIC được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **DẦU ĂN THỰC HẠNG NHÃN HIỆU NEPTUNE LIGHT**

2. Thành phần: Dầu đậu nành, dầu gạo lứt, dầu hướng dương, vitamin A palmitat.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy Cách đóng gói: Thể tích thực ở 20 °C: 250 ml, 400 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít, 9,8 lít (9 kg).

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất bởi: Công ty TNHH CALOFIC

Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

-Hoặc sản xuất bởi: Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

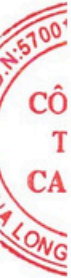
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định về "Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hạ Long, Ngày 01 tháng 10 năm 2021
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



ĐỖ THỊ KIM OANH
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO



(Đính kèm hồ sơ tự công bố sản phẩm số 01/CALOFIC/2021)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NINH	DẦU ĂN THƯỢNG HẠNG NHÃN HIỆU NEPTUNE LIGHT	Số CB: 01/CALOFIC/2021
CÔNG TY TNHH CALOFIC		Có hiệu lực từ ngày ký phê duyệt

Các chỉ tiêu tự công bố bao gồm:

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng
- Màu sắc: Màu vàng sáng đến màu vàng hơi đỏ
- Mùi: Không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét.
- Vị: Không vị

1.2. Các chỉ tiêu lý hóa:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Trị số a-xít	mg KOH/g dầu	≤ 0,6
2.	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2
3.	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05
4.	Trị số I-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	≥ 100
5.	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5
6.	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
7.	Vitamin A (bổ sung)	IU/100 g	≥ 9200
8.	Vitamin E	mg/100 g	≥ 10
9.	Omega 3	g/100 g	≥ 3
10.	Omega 6	g/100 g	≥ 40
11.	Omega 9	g/100 g	≥ 25
12.	Gamma Oryzanol	mg/100 g	≥ 300
13.	Phytosterol	mg/100 g	≥ 300
14.	Cholesterol	g/100g	0

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	0
2.	Coliforms	MPN/ml	10
3.	Salmonella	CFU/25ml	Không phát hiện
4.	S. aureus	CFU/ml	0
5.	E. coli	MPN/ml	3
6.	TSVSVHK	CFU/ml	1000

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng As	mg/kg	0,1
2.	Hàm lượng Pb	mg/kg	0,1

Handwritten signature

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	5
2	Hàm lượng Aflatoxin B ₁ B ₂ G ₁ G ₂	µg/kg	15



Handwritten signature

162x65

Neptune Light
Hỗ Trợ Giảm Hấp Thu CHOLESTEROL Từ Thực Phẩm

ĐIỂM 10 CHO CHẤT LƯỢNG

34 mm

5.2 mm

11.7 mm

THÔNG TIN DINH DƯỠNG
Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

Hàm lượng	Trong 14 g	Trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Cholesterol	0 g	0 g
Omega 3 (tối thiểu)	0.42 g	3 g
Omega 6 (tối thiểu)	5.6 g	40 g
Omega 9 (tối thiểu)	3.5 g	25 g
Gamma-Oryzanol (tối thiểu)	42 mg	300 mg
Phytosterol (tối thiểu)	42 mg	300 mg
Vitamin E (tối thiểu)	1.4 mg	10 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

Thành phần:
Dầu đậu nành, dầu gạo lứt, dầu hương dương, vitamin A, palmitat.

Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng:
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Tỷ số I-đi (W/O): Tối thiểu 100.

Hương dẫn sử dụng:
Đường cao chất, xáo, trộn salad, làm nước xốt & nấu các món chay.

Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.
NSX: Ghi trên bao bì
HSD: 24 tháng kể từ NSX.

Neptune Light
Hỗ Trợ Giảm Hấp Thu CHOLESTEROL Từ Thực Phẩm

ĐIỂM 10 CHO CHẤT LƯỢNG

5.2 mm

5.2 mm

32.7 mm

4.874 mm

ĐAU AN THUỶNG HẠNG Neptune Light
Được Viện Y học ứng dụng Việt Nam nghiên cứu và chứng nhận hỗ trợ giảm 23,7 % chỉ số Cholesterol xấu (LDL) sau 60 ngày sử dụng.

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
KCN Cải Lân, Phường Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
ĐT: (0203) 3846993 - Fax: (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
- QN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0933.816.660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar
Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED
Thể tích thực ở 20 °C:
250 ml

8 9 3 4 9 8 8 1 0 1 2 0 0 2



PIC KIỂM TRA XÁC NHẬN TẤT CẢ CHÍNH XÁC TRƯỚC KHI YÊU CẦU XUẤT FILE IN

1.162 mm

Thành phần:
 Dầu dừa nhân, dầu gạo lứt, dầu hương dương, vitamin A palmitat, nước, chất làm ngọt cường vị chất ổn định.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
 Tỷ số Iod (Iod), Tỷ số Acid.

Hướng dẫn sử dụng:
 Dùng cho chiên, xào, trộn salad làm nước sốt & nấu các món chay.

Đặc biệt:
 Dễ nấu kho, xào & thưởng thức, tránh ảnh hưởng trực tiếp.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Mỗi gói 21 viên (1 gói)	Mỗi gói 110	Mỗi gói 100 g
Năng lượng	125 kcal	502 kcal
Cholesterol	0g	0g
Dinh dưỡng khác*	0.03g	1.1g
Đường (tổng số)	0.0g	0.0g
Gamma-Oryzanol (tổng số)	1.5g	25g
Phytosterol (tổng số)	0.0g	0.0g
Sodium (tổng số)	0.0g	0.0g
Natri (tổng số)	0.0g	0.0g

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOPIE
 Chi Cầu Lộ, Phường Bàu Cháy,
 TP. Hồ Chí Minh, Tỉnh Quảng Ninh
 ĐT: 0281.3246988 - Fax: 0281.3443271

Mã nhà máy sản xuất:
 - QR: TP. Hồ Chí Minh - Quảng Ninh
 - HP: Hồ Chí Minh - Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0913.016.660
 Email: corporate@wilmar.com.vn
 Website: www.wilmar.com.vn

wilmar
 Đặc sản cho phép nấu
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

Thế tích thực ở 20 °C
400 ml
 PLANT-BASED

ĐAU AN THƯƠNG HẠNG

BẠN CÓ BIẾT?

Tại Việt Nam, trong bình cứ 10 người trưởng thành thì có 3 người bị thừa Cholesterol trong cơ thể. * Thừa Cholesterol là một trong những nguyên nhân gây ra bệnh tim mạch ngay hiện tại hoặc trong tương lai.

Điều trị thường bằng Neptune Light. Được viết ý kiến đóng góp, viết Nam, người sử dụng và chúng nhận hỗ trợ gần 23,7 % chi số Cholesterol xấu (LDL) sau 30 ngày sử dụng.

Công thức HEALTHY GP

Là sự kết hợp tuyệt vời với 2 đường chất Gamma-Oryzanol & Phytosterol, hỗ trợ giảm hấp thụ Cholesterol từ thực phẩm.

Chọn Neptune Light
 Chọn cuộc sống khỏe mạnh

- ✓ 0 % Cholesterol.
- ✓ Gamma-Oryzanol & Phytosterol hỗ trợ giảm hấp thụ Cholesterol từ thực phẩm.
- ✓ Tránh phân chia sự mất ngủ, căng thẳng, đau, nhức, đau đầu, đau cơ, đau lưng, đau khớp.

* Thông tin từ Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) năm 2000 cho thấy rằng thừa Cholesterol trong cơ thể có thể gây ra các bệnh tim mạch, tiểu đường, v.v.

Thông tin cảnh báo:
 Không nạp lên sau khi sử dụng.
 NSX: Chi Minh Báo Bì
 HSD: 24 tháng kể từ NSX
 Số CB: 01CALOPIE.2021



ĐIỂM 10 CHO CHẤT LƯỢNG

PIC KIỂM TRA XÁC NHẬN TẤT CẢ CHÍNH XÁC TRƯỚC KHI YÊU CẦU XUẤT FILE IN



Số: 32994/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 30485/PKN-VKNQG ngày 08 tháng 10 năm 2021

1. Tên mẫu: Dầu ăn thương hiệu nhãn hiệu Neptune Light
 2. Mã số mẫu: 09218334/DV.2
 3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa nắp xoáy 350 mL, thông tin mẫu đánh máy dán trên chai - Số lượng: 3
 NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
 4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
 5. Thời gian lưu mẫu: Không có
 6. Ngày nhận mẫu: 30/09/2021
 7. Thời gian thử nghiệm: 30/09/2021 - 22/10/2021
 8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH CALOFIC
 Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
 9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Salmonella	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH
9.2*	S. aureus	CFU/g	FDA-BAM CHAPTER 12:2019	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.3*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.4*	Tổng số nấm men - nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.5*	Coliforms	MPN/g	TCVN 4882:2007	KPH (LOD: 0 MPN/g)
9.6*	E. coli	MPN/g	TCVN 6846:2007	KPH (LOD: 0 MPN/g)
9.7*	Hàm lượng các chất dễ bay hơi	%	TCVN 6120:2018	KPH (LOD: 0,01 %)
9.8	Hàm lượng tạp chất	%	TCVN 6125:2010	KPH (LOD: 0,01 %)
9.9*	Hàm lượng Protein	g/100g	NIFC.02.M.03	KPH (LOD: 0,01 g/100g)
9.10*	Chỉ số Iod	gI ₂ /100g dầu	TCVN 6122:2015	118
9.11*	Hàm lượng Vitamin A (retinyl palmitat)	IU/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	1,01 x 10 ⁴
9.12*	Năng lượng	kcal/100g	NIFC.02.M.06	900
9.13*	Chỉ số Peroxide	MeqO ₂ /kg	TCVN 6121:2018	0,87
9.14*	Hàm lượng Vitamin E (DL alpha tocopherol)	mg/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	13,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
 4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

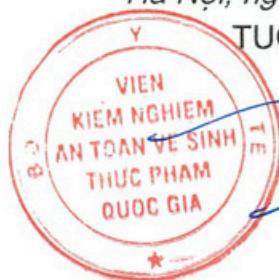
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktmm@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.15*	Chỉ số acid	mgKOH/g dầu	TCVN 6127:2010	0,30
9.16*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
9.17*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
9.18*	Hàm lượng Omega 3 (C18:3n3, C20:3n3, C20:5n3, C22:6n3)	g/100g	NIFC.04.M.107 (GC-FID)	3,22
9.19*	Hàm lượng Omega 6 (C18:2n6, C18:3n6, C22:2n6, C20:3n6, C20:4n6, C22:3n6)	g/100g	NIFC.04.M.107 (GC-FID)	46,1
9.20*	Hàm lượng Omega 9 (C18:1n9c, C20:1n9, C22:1n9, C24:1)	g/100g	NIFC.04.M.107 (GC-FID)	30,7
9.21	Hàm lượng Cholesterol	%	NIFC.04.M.099 (GC-MS)	KPH (LOD: $1,5 \times 10^{-3}$ %)
9.22*	Hàm lượng Beta-sitosterol	mg/100g	NIFC.04.M.120 (GC-MS)	237
9.23*	Hàm lượng Campesterol	mg/100g	NIFC.04.M.120 (GC-MS)	65,0
9.24*	Hàm lượng Delta -5 - avenasterol	mg/100g	NIFC.04.M.120 (GC-MS)	9,90
9.25*	Hàm lượng Delta -7 - avenasterol	mg/100g	NIFC.04.M.120 (GC-MS)	12,2
9.26*	Hàm lượng Delta -7 - stigmasterol	mg/100g	NIFC.04.M.120 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,5 mg/100g)
9.27*	Hàm lượng Stigmasterol	mg/100g	NIFC.04.M.120 (GC-MS)	59,4
9.28	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.29	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.30	Hàm lượng Gamma Oryzanol	mg/100g	TCVN 12107:2017	380

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/CALOFIC/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (0203) 3845970 Fax: (0203) 3845971

Hoặc chi nhánh Công Ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân tại Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lô C21, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3781 8806 Fax: (028) 3781 8802

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **DẦU THỰC VẬT CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN**

2. Thành phần: dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, chất nhũ hóa: este của polyglycerol với axit béo (475), vitamin A palmitat.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 02 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy Cách đóng gói: thể tích thực ở 20 độ C: 9,8 lít (9 kg)

- Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất bởi: Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt nam.

-Hoặc sản xuất bởi: Chi nhánh Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân tại Hiệp Phước, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lô C21, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định về "Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

- Nghị định 09/2016/NĐ-CP Quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

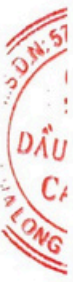
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hạ Long, Ngày 27 tháng 04 năm 2020
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



ĐỖ THỊ KIM OANH
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NINH	DẦU THỰC VẬT CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN	Số CB: 09/CALOFIC/2019
CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN		Có hiệu lực từ ngày ký phê duyet

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: dạng lỏng (trên 30 độ C)
- Màu sắc: màu vàng sáng
- Mùi: không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét Vị: không vị

1.2. Các chỉ tiêu lý hóa:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố chất lượng
1.	Trị số a-xít	mg KOH/g dầu	≤ 0,6
2.	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2
3.	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05
4.	Trị số I-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	≥ 60
5.	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5
6.	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
7.	Vitamin A (bổ sung)	IU/100g	≥ 9200
8.	Omega 3	mg/100 g	≥ 300
9.	Omega 6	g/100 g	≥ 15
10.	Omega 9	g/100 g	≥ 25
11.	Năng lượng	Kcal/100g	900
12.	Chất đạm	g/100g	0
13.	Cholesterol	g/100g	0
14.	Đường	g/100g	0
15.	Hydrat-cacbon	g/100g	0
16.	Natri	g/100g	0

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	0
2.	Coliforms	MPN/ml	10
3.	Salmonella	/25 ml	Không phát hiện
4.	S. aureus	CFU/ml	0
5.	E. coli	MPN/ml	3
6.	TSVSVHK	CFU/ml	1000

101362
CÔNG TY
NHÀ
THỰC V.
CÁI LÂN
QUẢNG

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng As	mg/kg	0,1
2.	Hàm lượng Pb	mg/kg	0,1

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	5
2	Hàm lượng Aflatoxin B ₁ B ₂ G ₁ G ₂	µg/kg	15



A handwritten signature in black ink is located in the bottom right corner of the page.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số / No: 7003118 / QC-PIN 118

- Tên mẫu thử / Name of sample: Dầu Thực vật cao cấp nhãn hiệu Meizan
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/1363-1/HS6
- Tình trạng mẫu / Status of sample: 01 chai
- Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 02/10/2018
- Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày / From: 02/10/2018 đến ngày / To: 09/10/2018
- Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Trị số acid*	mgKOH/g	TCVN 6127:2010	0,024
2	Độ ẩm và chất bay hơi ở 105°C*	%	TCVN 6120:2007	0,0
3	Tạp chất không tan*	%	TCVN 6125:2010	0,0
4	Trị số Iod*	g I ₂ /100g dầu	TCVN 6122:2010	72,88
5	Trị số peroxyt *	Meq/kg	TCVN 6121:2010	0,82
6	Axit béo tự do (theo oleic)*	%	TCVN 6127:2010	0,012
7	Trị số xà phòng hóa*	mgKOH/g	TCVN 6126:2007	192,51
8	Hàm lượng xà phòng	%	AOCS Cc 17-95(97)	0,0
9	Transfat	g/14g	HD/HS1/154	KPH (LOD = 0,1)
10	Cholesterol	g/100g	HD/HS1/155	KPH (LOD = 0,1)
11	Protein	g/100g	TK TCVN 8125:2015	0,0
12	Béo toàn phần*	g/100g	AOAC 938.06.2012	100,0
13	Đường tổng số	g/100g	TCVN 4594:1988	0,0
14	Carbohydrate	g/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	0,0
15	Năng lượng	KCal/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	900
16	Natri*	g/100g	AOAC 2011.14.2012	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005)
KPH là không phát hiện

Thử nghiệm viên / Analyst: **Phòng Thử nghiệm Hóa sinh / Biochemical Testing Lab.**

Hà nội, ngày 09 tháng 10 năm 2018



PHÓ GIÁM ĐỐC

8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
T +84 (24) 3756 1025
F +84 (24) 3756 3188
E quacert@quacert.gov.vn
W www.quacert.gov.vn

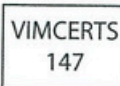
1. VILAS 710
Chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test result are value only for samples taken by client.

2. Tên mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of samples are reported as the client's request.

3. Không được tái sản xuất một phần hoặc toàn bộ nếu không có sự đồng ý của QUACERT.
The test report shall not be reproduced except in full without the written approval of QUACERT.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18100359 MM18101208	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 18/10/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**
 Địa chỉ/ *Address* : **KHU CÔNG NGHIỆP CÁI LÂN - PHƯỜNG BÃI CHÁY - THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH**
 Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU THỰC VẬT CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN**
 Số lượng/ *Quantity* : 1
 Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dầu lỏng, đựng trong chai nhựa
 Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 05/10/2018
 Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 13/10/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	Coliforms	MPN/ml	0	ISO 4831:2006 (*)
2	Escherichia coli	MPN/ml	0	ISO 16649-3:2015 (*)
3	Salmonella	/25ml	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)
4	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 01	ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003(*)
5	Tổng nấm men	CFU/ml	< 01	ISO 21527-2:2008 (*)
6	Tổng nấm mốc	CFU/ml	< 01	ISO 21527-2:2008 (*)
7	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/ml	< 01	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận. *Method is accredited by VILAS*

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ. *Subcontracted test.*

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 01 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory



Th.S. Huỳnh Yên Hà

PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Trương Huỳnh Anh Vũ

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng. *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. *This testing result is only valid on tested sample.*

Nguyễn Trường Sơn

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 18001105
 (84.28) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 (9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (4) (84.292) 3918216 - 217 - 218
 (4) (84.292) 3918219
 support@case.com.vn

VPHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 (9) STH2718, Đường 8E, KẾT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 (4) (84.258) 246 5255
 (4) (84.258) 246 5355
 vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18100359 MM18101208	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 18/10/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**
 Địa chỉ/ *Address* : **KHU CÔNG NGHIỆP CÁI LÂN - PHƯỜNG BÃI CHÁY - THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH**
 Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU THỰC VẬT CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN**
 Số lượng/ *Quantity* : 1
 Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dầu lỏng, đựng trong chai nhựa
 Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 05/10/2018
 Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 13/10/2018

STT/ <i>No</i>	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	As	mg/Kg	Không phát hiện, MDL= 0,02	CASE.TN.0125 (Ref AOAC 986.15)
2	Cu	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,03	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
3	Fe	mg/Kg	0,20	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)
4	Pb	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
5	Aflatoxin B ₁	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
6	Aflatoxin B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂	µg/kg	Aflatoxin B ₁ : Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B ₂ : Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G ₁ : Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G ₂ : Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

RỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 18001105
 (84.28) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CÁN THO
 F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (84.292) 3918216 - 217 - 218
 (84.292) 3918219
 support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 (84.258) 246 5255
 (84.258) 246 5355
 vanphongmien trung@case.vn

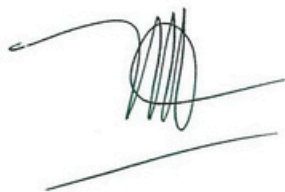
STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	Omega 3	g/100g	3,27	CASE.SK.0107 - GC/FID(*)
8	Omega 6	g/100g	33,9	CASE.SK.0107 - GC/FID(*)
9	Omega 9	g/100g	33,9	CASE.SK.0107 - GC/FID(*)
10	Vitamin A	IU/100g	15539	CASE.SK.0108 (HPLC)(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory



T.S. Nguyễn Quốc Hùng

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Trương Huỳnh Anh Vũ

HỮNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ngày: 20-02-2019

chứng thực 282 quyền số 1 -SCT/BS

UBND PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trường Sơn

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TTR-HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) 18-001105

(☎) (8-4-28) 3911 7216

(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(☎) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(☎) (84.292) 3918219

(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(☎) STH2738, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.258) 246 5255

(☎) (84.258) 246 5355

(✉) vanphongmienTrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18020646 MM18022625	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 02/03/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**
Địa chỉ/ *Address* : **KHU CÔNG NGHIỆP CÁI LÂN - PHƯỜNG BÃI CHÁY - THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH**
Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU THỰC VẬT CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN**
Số lượng/ *Quantity* : **1**
Tình trạng mẫu/ *Sample description* : **Dầu**
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **12/02/2018**
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : **28/02/2018**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Acephate	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS)
2	Chlordane	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS)
3	Chlorpyrifos	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS)
4	Clethodim	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01 - LCMS/MS)
5	Cyproconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01 - LCMS/MS)
6	Flusilazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS)
7	Heptachlor	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(☎) 18001105
(☎) (84.28) 3911 7216
(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(☎) F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(☎) (84.292) 3918 216 - 217 - 218
(☎) (84.292) 3918 219
(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(☎) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(☎) (84.258) 3811 808
(☎) (84.258) 3811 809
(✉) vanphongmienTrung@case.vn

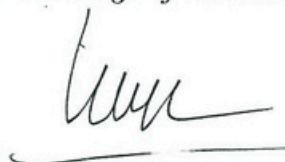
STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
8	Methamidophos	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS)
9	Methomyl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0028 - (AOAC 2007.01 - LC/MS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory



Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải



UBND PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trường Sơn

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

TRỤ SỞ CHÍNH

(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) 18001105

(☎) (84.28) 3911 7216

(✉) casehcm@case.vn

CN CÁN THỢ

(☎) F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.292) 3918 216 - 217 - 218

(☎) (84.292) 3918 219

(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(☎) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.258) 3811 808

(☎) (84.258) 3811 809

(✉) vanphongmienntrung@case.vn